TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 26/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 14 -9-2020
V/v:"*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Chu Anh Hùng
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trịnh Thị Oanh
2. Ông Ngô Văn Tuyển

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thuý Vịnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dânhuyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020 tại phòng xử án, Trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 201/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1990 - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn C, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Anh Lâm Văn T1, sinh năm: 1988 - Xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn C, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được chị Nguyễn Thị T trình bày*:

Chị Nguyễn Thị T và anh Lâm Văn T1 sau một thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau tự nguyện thì quyết định tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 13/01/2010.

Trong quá trình chung sống thì vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vả, xúc phạm danh dự nhân phẩm lẫn nhau, anh T1 không tôn trọng chị T, hay lăng mạ, chửi bới, xúc phạm đến cả bố mẹ chị. Do được gia đình hòa giải, khuyên nhủ và chị T cũng suy nghĩ vì các con không muốn gia đình đổ vỡ, con cái chịu thiệt thòi nên đã cố gắng chịu đựng để cùng anh T1 gây dựng gia đình cùng nhau nuôi dạy các con. Do mâu thuẫn quá trầm trọng nên đến năm 2018 chị T đã dẫn theo con gái là cháu Lâm Nguyễn Như Q về nhà mẹ đẻ ở thôn N, xã E để sinh sống và năm 2019 chị T làm đơn đến Tòa án để ly hôn với anh T1, nhưng sau đó có rút đơn khởi kiện để có thêm thời gian suy nghĩ. Hiện nay, chị T nhận thấy không thể nào tiếp tục quay về chung sống với anh T1 được nữa, xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuận vợ chồng thật sự trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, nên chị T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Lâm Tuấn K, sinh ngày 30/05/2011 và cháu Lâm Nguyễn Như Q, sinh ngày 13/09/2015.

Sau khi vợ chồng sống ly thân thì cháu K đang do anh T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng còn cháu Như Q đang do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T không muốn thay đổi môi trường sống hiện tại của các cháu để các cháu không bị ảnh hưởng tâm sinh lý nhiều sau khi ba mẹ ly hôn và căn cứ theo nguyện vọng của cháu K, chị T đề nghị giao cháu Lâm Tuấn K, sinh ngày 30/05/2011 cho anh T1trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho tới lúc cháu K trưởng thành và giao cháu Lâm Nguyễn Như Q, sinh ngày 13/09/2015 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Q trưởng thành và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện nay chị T đang làm kế toán, thu nhập hàng tháng khoảng 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) và đang sống cùng ba mẹ nên có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Như Q.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị T xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/7/2020 bị đơn anh Lâm Văn T1 trình bày:* Anh T1và chị Nguyễn Thị T sau một thời gian tìm hiểu yêu thương nhau tự nguyện, thì quyết định tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk ngày 13/01/2010.

Trong quá trình vợ chồng chung sống với nhau do tính cách của vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm danh dự, nhân phẩm lẫn nhau. Dù đã cố gắng thay đổi, hàn gắn nhưng không được. Từ tháng 10 năm 2018 chị T đã đưa cháu Lâm Nguyễn Như Q về nhà ngoại sinh sống vợ chồng rất ít liên lạc, không quan tâm chăm sóc gì nhau nữa.

Hiện nay chị T làm đơn xin được ly hôn với anh T1, thì anh T1cũng đồng ý ly hôn, vì anh T1 nhận thấy vợ chồng không thể đoàn tụ được nữa, mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Lâm Tuấn K, sinh ngày 30/05/2011 và cháu Lâm Nguyễn Như Q, sinh ngày 13/09/2015.

Sau khi vợ chồng sống ly thân thì cháu K đang do anh T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, còn cháu Lâm Nguyễn Như Q đang do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Sau khi vợ chồng ly hôn thì anh T1có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lâm Tuấn K cho tới lúc cháu trưởng thành và giao cháu Lâm Nguyễn Như Q cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho tới lúc cháu trưởng thành và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Lâm Văn T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Lâm Văn T1 xác định không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc trình bày quan điểm đối với việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng như sau:

Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ và tại phiên toà, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và nguyên đơn đã chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Lâm Văn T1.

Về con chung: Giao cháu Lâm Tuấn K, sinh ngày 30/05/2011 cho anh Lâm Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Lâm Tuấn K tròn 18 tuổi. Giao cháu Lâm Nguyễn Như Q, sinh ngày 13/09/2015 cho chị

Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho tới lúc cháu Lâm Nguyễn Như Q tròn 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị T và anh Lâm Văn T1 được quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc các con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Anh Lâm Văn T1 và chị Nguyễn Thị T đều không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự có mặt tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T đề ngày 01/6/2020, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* được quy định tại khoản 1 Điều 28 củaBLTTDS.

Về thẩm quyền: Tại thời điểm chị Nguyễn Thị T làm đơn khởi kiện, bị đơn anh Lâm Văn T1 cư trú tại thôn C, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thụ lý và giải quyết vụán là đúng thẩm quyền.

[2] Về chấp hành quy định pháp luật: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tống đạt các văn bản tố tụng, nhưng anh Lâm Văn T1 chỉ cung cấp lời khai, không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các phiên hoà giải là từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ của mình.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và bị đơn anh Lâm Văn T1 đều xin xét xử vắng mặt, nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh T1 là đảm bảo đúng quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Lâm Văn T1 chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 13/01/2010 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật hôn nhân và gia đình, nên được pháp luật bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Căn cứ vào các biên bản xác minh ngày

10/8/2020 tại Chính quyền địa phương, cũng như sự thừa nhận của chị T và anh T1tại các bản tự khai, cũng như biên bản lấy lời khai thì: Sau khi chị T và anh T1 kết hôn được một thời gian thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, nên vợ chồng thường xuyên cãi, xô xát nhau, từ tháng 10 năm 2018 thì vợ chồng bắt đầu sống ly thân, trước đây chị T đã làm đơn xin ly hôn một lần nhưng sau đó Tòa án hòa giải cho hai vợ chồng về đoàn tụ, nên chị đã rút đơn và Tòa án đình chỉ vụ án, Tuy nhiên, hiện nay vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, hiện tại vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa, mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cho nên chị T xin ly hôn với anh T1và anh T1cũng đồng ý, nhưng không có mặt tại các phiên hòa giải của Tòa án. Vì vậy, HĐXX cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Lâm Văn T1.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Nguyễn Thị T và anh Lâm Văn T1 có 2 con chung là cháu Lâm Tuấn K, sinh ngày 30/05/2011 và cháu Lâm Nguyễn Như Q, sinh ngày 13/09/2015.

Chị Nguyễn Thị T có nguyện vọng sau khi ly hôn thì chị xin trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lâm Nguyễn Như Q cho đến lúc cháu tròn 18 tuổi và anh Lâm Văn T1 có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lâm Tuấn K cho tới lúc cháu tròn 18 tuổi và cháu K đã trên 7 tuổi và nguyện vọng của cháu cũng xin được ở với bố anh Lâm Văn T1. HĐXX thấy rằng hiện tại chị T làm kế toán, còn anh T1 làm nông, cả chị T và anh T1 đều có thu nhập ổn định, có đầy đủ mọi điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, việc giao con cho ai nuôi dưỡng sau khi bố mẹ ly hôn cần phải đảm bảo mọi mặt cho các cháu, hiện nay cháu K có nguyện vọng ở với bố và bản thân anh T1và chị T đều có nguyện vọng giao cháu K cho anh T1 nuôi, giao cháu Q cho chị T nuôi. Do vậy, HĐXX căn cứ các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu Lâm Tuấn K cho anh Lâm Văn T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến lúc cháu K tròn 18 tuổi, giao cháu Lâm Nguyễn Như Q cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến lúc cháu Q tròn 18 tuổi là phù hợp, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Anh Lâm Văn T1 và chị Nguyễn Thị T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Anh Lâm Văn T1 và chị Nguyễn Thị T đều không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nên HĐXX không xem xet giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị T và anh Lâm Văn T1 đều không yêu cầu, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là phù hợp, HĐXX cần chấp nhận ý kiến của Viện kiểm sát.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Lâm Văn T1.

Về con chung: Giao cháu Lâm Tuấn K, sinh ngày 30/05/2011 cho anh Lâm Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Lâm Tuấn K tròn 18 tuổi. Giao cháu Lâm Nguyễn Như Q, sinh ngày 13/09/2015 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho tới lúc cháu Lâm Nguyễn Như Q tròn 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị T và anh Lâm Văn T1 được quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc các con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Lâm Văn T1 đều không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị T đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0009714 ngày 01/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T, bị đơn anh Lâm Văn T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND huyện Krông Pắc;*
- *VKSND huyện Krông Pắc;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *THADS huyện K;*
- *Người tham gia tố tụng;*
- *UBND xã V;*
- *Lưu HS, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Chu Anh Hùng